

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5182**/UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **28** tháng 9 năm 2018

V/v xây dựng Báo cáo
đa dạng sinh học quốc gia
lần thứ 6

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 20.70
	Ngày: 01.10.18
	Chuyên:

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 4465/BTNMT-TCMT ngày 20/8/2018 về việc cung cấp thông tin xây dựng Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia lần thứ 6, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường các nội dung liên quan như sau:

I. TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Đa dạng hệ sinh thái

a) Các hệ sinh thái trên cạn

Theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về công bố hiện trạng rừng năm 2015, hệ sinh thái trên cạn của tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu tập trung vào nhóm hệ sinh thái rừng và được chia ra thành 03 nhóm cơ bản gồm có: Đồng bằng, trung du và miền núi:

1	Hệ sinh thái rừng vùng đồng bằng: 150.687 ha	<p>Trong đó 13.672 ha do lưu vực hệ thống sông Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ và Trà Câu bồi đắp hằng năm.</p> <p>Rừng Nà - 350.000 m² phân bố ở thôn Lương Nông Nam và Lương Nông Bắc thuộc xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức. Cảnh quan sinh thái gò đồi và bãi sinh lầy chạy dọc theo chiều Bắc - Nam của xã Đức Thạnh. Đa dạng sinh học: 123 loài động vật có xương sống thuộc 5 lớp, 21 bộ, 57 họ và 92 giống. Thực vật rừng - 52 loài. 28/52 loài có giá trị sử dụng tài nguyên sinh vật: cây làm thuốc 21 loài chiếm 40,4 % tổng số loài, cây lấy gỗ - 12 loài (23,1%), cây làm cảnh - 7 loài (13,5%), nhóm cây ăn quả 5 loài (9,6%) và cây cho tinh dầu 2 loài (chiếm 3,8%). (Nguyễn Quốc Tân, 2011; Viện Sinh thái học Miền Nam, 2016).</p> <p>Các hệ sinh thái tự nhiên nội địa, vùng ven biển như Sa Huỳnh (xã Phổ Thạch, Huyện Đức Phổ) và hệ sinh thái trên cạn của các đảo ven biển như Lý Sơn cũng đã được nghiên cứu khá sớm từ nghiên cứu của Lê Khắc Huy & nnk. (1998-2001) và được bổ sung bởi nghiên cứu của Viện Sinh thái học Miền Nam (2016).</p>
---	--	---

2	Hệ sinh thái rừng vùng trung du: 150.687 ha	Phân bố chủ yếu ở rìa phía Tây, Tây Bắc, Tây Nam của các huyện như: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Đức Phổ. Tổng diện tích đất lâm nghiệp của các huyện vùng trung du:			
		Huyện	Diện tích có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng
		Bình Sơn	15.482,64	1.257,89	14.224,75
		Sơn Tịnh	9.282,36	83,91	9.198,45
		Tư Nghĩa	6.447,16	1.974,12	4.473,04
		Mộ Đức	7.855,30	1.196,53	6.658,77
		Đức Phổ	17.857,99	1.455,97	16.402,02
		TỔNG	56.925,45	5.968,42	50.957,03
		<p>Trong vùng này có loài Rùa trung bộ (<i>Mauremys annamensis</i>), một loài rùa đặc hữu của Việt Nam, phân bố ở Bình Sơn là loài có giá trị bảo tồn cao. (ATP, Viện Sinh thái học Miền Nam, 2016)</p> <p>Rừng cộng đồng: Khu vực xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành có khoảng 800ha rừng tự nhiên với 459 loài thực vật và 403 loài động vật, trong đó có khoảng 30 loài thực vật và 43 loài động vật được ghi nhận trong sách đỏ Việt Nam, (Gỗ đỏ, trầm hương, lim xanh, chò đen, Cu li lớn, nhỏ, khỉ đuôi lợn, gấu ngựa, tê tê vàng, dơi cánh lông, gà lôi trắng, rùa núi viên, rùa đầu to...) (Trần Văn Minh, 2001, Viện Sinh thái học Miền Nam, 2016).</p>			
		3	Hệ sinh thái rừng vùng miền núi: Diện tích toàn vùng khoảng 238.096 ha	Chiếm hơn ¾ diện tích đất liền của tỉnh Quảng Ngãi, tập trung vào các huyện phía Tây của tỉnh như: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng, Tây Trà; trong đó có khoảng 238.096 ha đất lâm nghiệp. Diện tích đất rừng lâm nghiệp tại các huyện miền núi (ha):	
Huyện	Tổng			Rừng tự nhiên	Rừng trồng
Minh Long	17.529,46			7.768,47	9.760,99
Sơn Hà	48.368,79			18.939,64	29.429,15
Sơn Tây	27.187,83			13.081,23	14.106,60
Tây Trà	16.160,10			8.739,43	7.420,67
Trà Bồng	32.185,09			11.680,74	20.504,35
Ba Tơ	97.045,49			41.291,10	55.754,39
Tổng	238.476,76			101.500,61	136.976,15
<p>Hệ động, thực vật đã được cập nhật bổ sung mới đây với hơn 600 loài thực vật bậc cao, Khu hệ động vật có giá trị bảo tồn cao với nhiều loài thú quan trọng như Chà vá chân xám (<i>Pygathrix cinerea</i>), vượn trung bộ (<i>Nomascus annamensis</i>),,,, hệ động vật có hơn 100 loài động thực vật quý hiếm được liệt kê trong Sách đỏ Việt Nam và 46 loài được liệt kê trong danh</p>					

	mục của IUCN tại vùng Cao Muôn và Cà Đam, Nghĩa Hành (Lê Khắc Huy & nnk., 1998-2001; Trần Văn Minh, 2001; Võ Văn Phú & nnk, 2010) và Viện Sinh thái học Miền Nam, 2016,
--	---

b) Các hệ sinh thái thủy vực nước ngọt:

+ *Các hệ sinh thái sông*

Tỉnh Quảng Ngãi có 04 sông chính: Trà Bồng, Trà Khúc, Vệ và Trà Câu. Sông Trà Bồng bắt nguồn từ vùng núi phía Tây của huyện Trà Bồng, chảy qua huyện Bình Sơn và ra biển tại cửa Sa Cần, dòng chảy của sông Trà Bồng không lớn, lưu lượng nước trung bình trên sông tại Châu Ô đạt $63,71\text{m}^3/\text{s}$, ($24,63 - 133,9\text{m}^3/\text{s}$); sông Trà Khúc là dòng sông lớn nhất tỉnh Quảng Ngãi với ba nguồn nước chính,: Nguồn nước từ vùng Giá Vực của Ba Tư chảy đến Sơn Hà (sông Rhe), nguồn nước từ vùng rừng núi huyện Sơn Tây, Tây Trà và nguồn nước từ phía Nam huyện Sơn Hà, lưu lượng nước trên sông Trà Khúc đo tại Sơn Giang có giá trị lớn nhất trong các sông lớn với trung bình là $198,1\text{m}^3/\text{s}$ ($85,01 - 361,5\text{m}^3/\text{s}$).

Từ rất lâu (Nguyễn Hữu Dục 1995), các nhà khoa học đã ghi nhận có ít nhất 49 loài cá nước ngọt trên sông Trà Khúc, 34 loài trên sông Vệ và đã được cập nhật bổ sung 40 loài vào năm 2011 (Nguyễn Thị Hồng Hà, 2011); và mới nhất năm 2015-2016, Viện Sinh thái học Miền Nam khi nghiên cứu khu vực thượng nguồn sông Trà Khúc của rừng núi Cao Muôn và Cà Đam đã ghi nhận được khu hệ cá có 119 loài.

+ *Các hệ sinh thái đầm, hồ*

Tỉnh Quảng Ngãi chỉ có các hồ chứa nhân tạo nguồn nước tưới tiêu cho nông nghiệp, những loài cá được nuôi thường là những loài có giá trị kinh tế nhưng cũng bao gồm cả những loài ngoại lai như rô phi (*Tilapia spp*), các hệ sinh thái đầm nước lợ đến đầm nước mặn, là những kiểu hệ sinh thái đặc trưng cho vùng ven biển miền Trung, các đầm nước ven biển nổi tiếng của tỉnh Quảng Ngãi có thể kể đến như: Đầm nước mặn, đầm An Khê, và đầm Lâm Bình. Đầm nước mặn nằm trong địa phận xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ với diện tích khoảng 150ha và là đầm kiểu vịnh kín thông ra biển tại cửa Sa Huỳnh; đầm An Khê và đầm Lâm Bình đều thuộc địa phận huyện Đức Phổ và có độ mặn thấp, mang đặc điểm của đầm nước lợ và có thể phục vụ nuôi trồng thủy sản nước ngọt; tổng diện tích của hai đầm nói trên khoảng 300ha (Địa chí Quảng Ngãi, 2016),

c) Các hệ sinh thái biển:

Hệ sinh thái biển Quảng Ngãi tiêu biểu với hệ sinh thái san hô và cỏ biển tập trung chủ yếu vùng đáy Vịnh Dung Quất, Vịnh Việt Thanh, Sa Huỳnh và xung quanh huyện đảo Lý Sơn. Theo điều tra của Viện Kỹ thuật biển (2012) thì hệ sinh thái san hô xung quanh huyện đảo Lý Sơn có ít nhất 157 loài san hô cứng tạo rạn thuộc 18 họ san hô. Sự phổ biến của san hô ven đảo Lý Sơn khá cao với độ che phủ đạt trên 50%, phân bố từ độ sâu 1-30m so với mặt nước biển.

Khu hệ cá biển đã được nghiên cứu với khoảng 202 loài, trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế cao, trữ lượng khoảng 68,000 tấn và khai thác hằng năm đạt 27,000 tấn.

Hệ sinh thái thảm cỏ biển ven huyện đảo Lý Sơn đã được điều tra với 07 loài cỏ biển được ghi nhận thuộc hai họ chính là *Cymodoceaceae* và họ *Hydrocharitaceae*. Theo báo cáo của Viện Kỹ thuật biển (2012) thì độ che phủ của thảm cỏ biển tại Lý Sơn không đồng đều, cao nhất tại khu vực phía Đông Nam và Tây Nam của đảo với khoảng từ 60 - 80%, cao nhất đạt 90%. Trong hệ sinh thái thảm cỏ biển tại Lý Sơn, họ cua bơi *Portunidea*, cùng các loài ốc biển: Ốc tượng, ốc cừ và ốc vú nàng là nguồn lợi thủy sản có giá trị kinh tế cao.

Rong biển: Bao gồm chủ yếu các loài rong mơ, rong câu, rong chân vịt, Trong đó, rong chân vịt chiếm ưu thế với 150 loài (Phạm Văn Hiếu và cs, 2010, Viện Kỹ thuật biển (2012)). Chính vì thế mà đảo Lý Sơn được xem là một trong những đảo có tài nguyên rong biển phong phú vào bậc nhất trong số các đảo ven biển ở nước ta, đây thực sự là một tiềm năng khá lớn cho việc phát triển nền kinh tế khu vực.

Rong biển tại đảo lớn Lý Sơn chủ yếu phân bố ở mặt Đông Bắc và Tây Bắc, các loài ưu thế gồm: *Dictyota dichotoma* (Hudson) *J.V.Lamouroux*, *Turbinaria ornata*, *Sargassum polycystum* (ngành rong Nâu), *Gelidium divaricatum*, *Laurencia cartilaginea*, *Gracilaria edulis* (S.G.Gmelin) *P.C.Silva* (ngành rong Đỏ); *Enteromorpha clathrata* (Roth) *Greville*, *Ulva reticulata*, *Caulerpa rasemosa* (ngành rong Lục).

Loại hình đáy mềm ở Lý Sơn gồm có cát nhỏ, sỏi sạn, cát sạn, cát bùn,... lẫn lộn với mảnh vụn san hô, vỏ động vật thân mềm; rong biển phân bố ở những loại hình đáy này có hệ rễ giả khá phát triển và cắm sâu trong các lớp cát.

Loại hình đáy cứng bao gồm chủ yếu các loài rong mơ nhánh bò - *Sargassum polycystum*, rong mơ lá phao - *S. mcclurei*, rong câu chân vịt - *Hydropuntia eucheumoides*, rong Câu đốt - *G. salicornia*, rong câu cong - *G. arcuata*, rong đại bám - *Codium adhaerens*...

Động thực vật phù du: Kết quả phân tích khu hệ thực vật nổi xung quanh khu vực đảo Lý Sơn (Viện kỹ thuật biển, 2011) đã ghi nhận được 162 loài thuộc 46 họ, 34 bộ, 6 lớp, 4 ngành tảo. Trong đó, ngành tảo Silic (*Bacillariophyta*) có thành phần loài phong phú nhất, với 111 loài chiếm tỷ lệ tương ứng là 68,5%; kế tiếp là ngành tảo Giáp (*Dinophyta*), có 47 loài chiếm 29,0%, các ngành tảo Lam (*Cyanophyta*) và tảo Vàng ánh (*Chrysophyta*) ghi nhận được thành phần loài thấp, chỉ đạt từ 1 - 3 loài, chiếm tỷ lệ tương ứng từ 0,6 - 1,9%.

Các hệ sinh thái biển khác: Bên cạnh các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển thì Quảng Ngãi còn có thêm nhiều kiểu hệ sinh thái biển khác cũng quan trọng như hệ sinh thái đụn cát ven biển, hệ sinh thái vùng cửa sông, ghềnh đá,...

2. Đa dạng loài sinh vật

a) Hiện trạng các khu hệ thực vật:

Đối với thực vật bậc cao:

- Trong Báo cáo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015, định hướng đến năm 2030, Viện Sinh thái học Miền Nam đã định tên bổ sung được 403 loài thực vật bậc cao, 263 chi thuộc 115 họ thực vật. Hiện tại, công tác định tên vẫn còn đang tiếp tục được thực hiện trong phòng thí nghiệm nhằm bổ sung thêm dữ liệu hệ thực vật của tỉnh Quảng Ngãi trong tương lai. Một loài thực vật mới cho khoa học đã được Viện Sinh thái học Miền Nam công bố từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ này.

- Các họ thực vật có số loài nhiều nhất là: Họ Cà phê (Rubiaceae) với 33 loài, có 4 họ cùng số lượng loài họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Lan (Orchidaceae), họ Sung (Moraceae) họ Đậu (Leguminosae) với 15 loài. Kế đến là họ Môn (Araceae) và họ Diệp hạ châu (Phyllanthaceae) cùng có 14 loài. Các họ Cam chanh (Rutaceae), họ Cúc (Compositae), họ Mua (Melastomataceae).

- Ngoài ra, trong quá trình khảo sát, nhóm nghiên cứu cũng đã thu thập được loài Tiết mi (*Thismia* sp.) thuộc họ Thismiaceae. Qua các đặc điểm cấu tạo của hình thái bên ngoài, cũng như cấu tạo giải phẫu của loài này hoàn toàn rất khác biệt so với những loài hiện có thuộc họ Thismiaceae. Do đó, nhóm nghiên cứu nghi ngờ đây có thể là ghi nhận mới cho khoa học. Hiện mẫu vật đang được phân tích sâu hơn để có thể đưa ra được kết luận chính xác và sẽ được công bố trên tạp chí quốc tế.

Nhóm rêu:

- Khảo sát đã ghi nhận được 102 taxa đài thực vật thuộc 2 ngành rêu và địa tiễn. Trong đó rêu 70 loài, thuộc 33 chi, 21 họ; địa tiễn có 32 taxa thuộc 18 chi, 15 họ, giác tiễn.

- Ghi nhận được một loài đài thực vật có giá trị dược liệu. Loài *Pyrrhobryum spiniforme* (Hedw.) Mitt, có chứa các hoạt chất có khả năng chống lại các khuẩn *Bacillus subtilis*, *Staphylococcus aureus*, *Streptococcus pneumonia*,

Nhóm nấm:

- Nghiên cứu này ghi nhận 100 loài nấm lớn thuộc 59 chi, 33 họ, 16 bộ thuộc 3 ngành Nấm đảm (Basidiomycota), Nấm túi (Ascomycota) và Nấm nhày (Myxomycota). Trong đó hai họ nấm lỗ Polyporaceae và họ Hymenochaetaceae chiếm số loài cao nhất trong tổng số các họ nấm đã được ghi nhận.

- Có 5 loài được sử dụng làm thực phẩm chủ yếu thuộc nhóm nấm mộc nhĩ, 7 loài sử dụng dược liệu tập trung chủ yếu ở nhóm nấm Linh chi.

Hiện trạng các khu hệ động vật:

Khu hệ động vật tự nhiên trong tỉnh Quảng Ngãi được tổng hợp từ các

khảo sát thực tế trong khuôn khổ đề tài và tổng hợp tài liệu trước đây. Với 1,089 loài động vật trên cạn, 173 loài cá nước ngọt, 202 loài cá biển, 05 loài thú biển, 157 loài san hô, 40 loài da gai và 141 loài giáp xác, 51 loài động vật không xương sống cỡ lớn thủy vực nội địa, 30 loài chân bụng. Hệ động vật trên cạn của Quảng Ngãi có 121 loài thú, 308 loài chim (298 loài được liệt kê trong danh sách), 83 loài bò sát, 56 loài chim và 521 loài côn trùng.

3. Đa dạng nguồn gen (nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản)

a) Hệ thực vật:

Thực vật rừng trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ngãi có các loài cây có giá trị cần được ưu tiên bảo vệ như: Lim xanh (*Erythrophloeum fordii*), Vàng tâm (*Manglietia dandyi*), Giổi vàng (*Michelia champaca*), Cầm liên (*Shorea siamensis*), Sơn huyết (*Melanorrhœa laccifera*), Chò nâu (*Dipterocapus retusus*), Sao đen (*Hopea odorata*), Gụ lau (*Sindora tonkiensis*), Sến mật (*Madhuca pasquieri*) và một số loài có giá trị kinh tế như: Gõ đỏ, Trám trắng (*Canarium album*), Chò sao (*Parashorea stellata*),...

Các loài cây có giá trị dược liệu (cây thuốc quý) có giá trị sử dụng và giá trị kinh tế cao trong tự nhiên cũng sẽ là đối tượng bảo tồn trong các vườn thực vật (Riêng ở vùng rừng Cao Muôn, nhóm giá trị làm thuốc có số lượng loài lớn nhất với 247 loài; vùng rừng Cà Đam có số lượng loài nhiều hơn với 274 loài).

Danh sách các loài thực vật được người dân sử dụng thuốc Nam như: Thổ phục linh (*Smilax glabra*), Hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenas*), Bò cốt toái (*Drynaria fortunei*), Nân nghệ (*Dioscorea colletti*), Hoàng đằng (*Fibraurea recisa*), Thảo quyết minh (*Cassia tora*), Loài Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaceus*) loài thực vật quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng cần được bảo tồn trong vườn ươm.

Ngoài những loài thực vật bậc cao kể trên, còn phải kể đến những loài nấm có giá trị thực phẩm, dược phẩm, Theo kết quả điều tra, khảo sát của Viện Sinh thái học Miền Nam 2016, vùng rừng Cao Muôn (Ba Tơ) và Cà Đam (Trà Bồng), hai khu vực rừng này có 28 loài nấm ăn được so với 175 loài nấm ăn được ở Việt Nam. Có nhiều loài nấm lớn có hoạt tính sinh học được sử dụng làm dược phẩm, được xem là biệt dược chữa một số bệnh: Hạ huyết áp, chống béo phì... như nấm Linh Chi.

b) Hệ động vật:

Ở Quảng Ngãi, có nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm được xếp ở hạng rất nguy cấp (CR), cần được quan tâm bảo vệ, gồm có 9 loài, bao gồm: 1 loài lưỡng cư (ếch cây sần Taylo) và 7 loài linh trưởng (Chà vá chân xám, khỉ mặt đỏ...), và 1 loài bò sát (Rùa Trung bộ).

Ngoài những nguồn gen động thực vật hoang dã quý hiếm trong tự nhiên, hiện tại, tỉnh Quảng Ngãi hiện đang lưu giữ 8 nguồn gen cây trồng, vật nuôi bản địa. Các gen cây trồng đặc sản nổi tiếng bao gồm: gen lúa rẫy, nếp ngự, Quế Trà Bồng, tỏi Lý Sơn, và các nguồn gen vật nuôi bản địa bao gồm:

Bò vàng, gà Hre, lợn Kiềng Sắt.

4. Diễn biến đa dạng sinh học giai đoạn 2010-2017: Chưa có đánh giá.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về đa dạng sinh học; lồng ghép nội dung về bảo tồn đa dạng sinh học trong hoạch định chính sách

Thực hiện Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học (ĐDSH) đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, tỉnh Quảng Ngãi đã quán triệt, triển khai cụ thể Chiến lược đến toàn thể các cơ quan chức năng liên quan để mỗi đơn vị triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Từ năm 2013 đến nay, tỉnh đã ban hành các văn bản sau:

- Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017).

- Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 (Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 08/02/2017).

- Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường năng lực về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen giai đoạn 2016-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 19/10/2016).

- Phê duyệt triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện đến năm 2020, bắt đầu thực hiện năm 2015 (Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 12/11/2015).

- Phê duyệt Đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020 (Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 05/9/2014), trong đó có 1 đối tượng cây lâm nghiệp (cây Quế bản địa Trà Bồng) và 2 đối tượng vật nuôi (lợn Kiềng sắt và gà H'rê) được nghiên cứu, lưu giữ và bảo tồn.

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm (Công văn số 975/UBND-NNTN ngày 24/3/2014, Công văn số 3389/UBND-NNTN ngày 09/7/2015, Công văn số 4378/UBND-NNTN ngày 31/8/2015...); đẩy mạnh thực thi pháp luật, tuyên truyền không buôn bán, tiêu thụ, sử dụng các loài động vật hoang dã (Công văn số 559/UBND-NNTN ngày 05/02/2015...).

- Kế hoạch ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 (Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 29/5/2013).

Ngoài ra đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng dự án thành lập Khu bảo vệ sinh cảnh loài rùa Trung bộ tại huyện Bình Sơn; 02 dự án Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Ba Tơ và khu Tây huyện Trà Bồng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; dự án Quy

hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; dự án bảo tồn nguồn gen giống Quế bản địa huyện Trà Bồng; dự án bảo tồn và phát triển nguồn giống cây bản địa Lim xanh, Dầu rái, Chò chỉ, Sao đen.

Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến Chiến lược Quốc gia về ĐDSH đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, Luật ĐDSH và các văn bản hướng dẫn Luật ĐDSH được tổ chức thường xuyên, liên tục, lồng ghép trong Chương trình học tập bảo vệ an ninh, tổ quốc; trong hội nghị họp dân, trên các phương tiện thông tin đại chúng,...

2. Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và đã phê duyệt tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017,.

Nhằm thực hiện tốt công tác bảo tồn ĐDSH trên địa bàn tỉnh, tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp các đơn vị nghiên cứu tổ chức các đợt điều tra, khảo sát thực trạng đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. Qua triển khai đã ghi nhận được một số kết quả quan trọng để làm cơ sở xây dựng 02 khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên trên cạn, 01 Khu bảo tồn sinh cảnh loài rùa Trung bộ; đồng thời thực tế trước tình trạng Quế Trà Bồng đang dần có nguy cơ suy giảm, mất đi theo thời gian nên việc bảo tồn nguồn gen cây Quế vô cùng quan trọng...

Tỉnh Quảng Ngãi đã thành lập Khu bảo tồn biển Lý Sơn với tổng diện tích 7,925 ha, trong đó diện tích mặt nước biển là 7,113 ha, nhằm duy trì, bảo vệ tài nguyên biển, ĐDSH và cải thiện sinh kế cho người dân. Đối tượng bảo tồn là hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái rong, cỏ biển, bãi giống, bãi đẻ và các loài thủy sinh vật sinh sống trong khu vực. Khu bảo tồn đi vào hoạt động sẽ góp phần quản lý, sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản, không sử dụng thuốc nổ và các loại lưới lớn để khai thác, đồng thời tạo cảnh quan sinh thái thu hút khách du lịch, tạo sinh kế cho người dân,

3. Nguồn lực tài chính cho bảo tồn đa dạng sinh học

Nguồn lực tài chính cho bảo tồn đa dạng sinh học được sử dụng chủ yếu từ ngân sách của tỉnh.

4. Về bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên

UBND tỉnh đã có chủ trương lập Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Ba Tư và Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây Trà Bồng (Công văn số 2004/UBND-NNTN ngày 28/4/2016).

a) Dự án Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây

huyện Ba Tơ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030:

- Phạm vi quy hoạch: Quy hoạch được thực hiện trên địa bàn các xã Khu Tây huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm 06 xã: Ba Xa, Ba Nam, Ba Vì, Ba Lễ, Ba Tiêu và Ba Tô.

- Thời kỳ lập quy hoạch: Đến 2020 và định hướng đến năm 2030.
- Diện tích khoảng 39,000 ha.
- Tổng dự toán kinh phí khảo sát, lập quy hoạch: 807,767,000 đồng.
- Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

b) Dự án Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Trà Bồng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030:

- Phạm vi quy hoạch: Quy hoạch được thực hiện trên địa bàn các xã Khu Tây huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm 04 xã Trà Bùi, Trà Tân, Trà Trung và Trà Nham.

- Thời kỳ lập quy hoạch: Đến 2020 và định hướng đến năm 2030.
- Diện tích khoảng 2,000 ha.
- Tổng dự toán kinh phí khảo sát, lập quy hoạch: 604,242,000 đồng.
- Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

c) Khu bảo tồn sinh cảnh loài rùa Trung bộ:

Khu bảo tồn sinh cảnh loài rùa Trung bộ nằm trong quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 với tổng diện tích 136 ha thuộc 02 xã Bình Minh và Bình Khương.

Trong giai đoạn 2017-2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì lập quy hoạch chi tiết khu bảo tồn sinh cảnh - loài rùa Trung bộ làm cơ sở để tham mưu UBND tỉnh thành lập Trung tâm bảo tồn rùa Trung bộ. Việc triển khai thành lập khu bảo vệ sinh cảnh rùa Trung bộ được UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập thủ tục thành lập và trực tiếp quản lý sau khi thành lập. Mặc dù Khu bảo vệ sinh cảnh loài rùa Trung bộ đã được đưa vào Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh Quảng Ngãi, nhưng việc triển khai các hoạt động bảo tồn đối với các cơ quan chức năng trong tỉnh là vấn đề mới, chưa có kinh nghiệm chuyên môn sâu, kinh phí dành cho công tác bảo tồn của tỉnh cũng còn rất hạn chế nên sự tài trợ của các tổ chức là rất cần thiết. Dự kiến kinh phí tài trợ trong năm đầu là 83,970 USD, các năm tiếp theo sẽ do Viện sinh thái học miền Nam tiếp tục huy động từ các nguồn tài trợ.

d) Dự án quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030:

- Phạm vi: 30 xã ven biển, thuộc 06 huyện, thành phố: Lý Sơn, Bình Sơn, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi.

- Quy hoạch rừng phòng hộ giai đoạn 2016-2020 từ 2.868,61 ha lên

3.011,02 ha đất rừng phòng hộ (tăng 142,41 ha) trong đó: Chủ yếu quy hoạch đất quy hoạch ngoài 3 loại rừng những khu vực xung yếu, có vai trò phòng hộ chắn gió, chắn sóng do nước biển dâng, bảo vệ đê biển sang quy hoạch rừng phòng hộ. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí bồi thường, bảo vệ và phát triển rừng những diện tích đất chuyển đổi sang quy hoạch rừng phòng hộ.

- Tổng vốn đầu tư: 233,054 triệu đồng.

5. Công tác bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền

a) *Dự án bảo tồn và phát triển nguồn giống cây bản địa Lim xanh, Dầu rái, Chò chỉ, Sao đen:*

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2016 - 2018.
- Tổng kinh phí thực hiện Dự án: 1.798.153.000 đồng; trong đó:
 - + Năm 2016: 27.841.000 đồng;
 - + Năm 2017: 1.279.186.000 đồng;
 - + Năm 2018: 91.126.000 đồng.

b) *Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng tại tỉnh Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn:*

- Thời gian thực hiện: 5 năm (Từ tháng 8/2015 đến tháng 8/2020).
- Tổng kinh phí: 2.852,06 triệu đồng.
- Sau 2 năm triển khai thực hiện dự án đã tuyển chọn được 200 cây giống quế bản địa Trà Bồng trên 10 năm tuổi có nhiều đặc tính trội để thu hái hạt, nhân giống cung cấp cây giống tốt cho việc xây dựng rừng giống quế bản địa Trà Bồng (10 ha) nhằm phục vụ bảo tồn nguồn gen cây quế đặc sản có giá trị kinh tế cao tại Quảng Ngãi. Hiện đang gieo ươm để trồng 10 ha rừng giống trong năm 2017,

c) *Tuyển chọn và lưu giữ giống lợn bản địa (lợn kiềng sắt):*

- Tổng kinh phí: 530 triệu đồng.
- Thời gian thực hiện: 2013-2015.
- Kết quả thực hiện: Đã tuyển chọn, lưu giữ và bảo tồn 50 con lợn kiềng sắt thuần chủng trong đó gồm 5 con đực và 45 con cái sinh sản; nhằm giữ lại nguồn gen quý hiếm, đặc hữu của Việt Nam tại Quảng Ngãi đang bị suy giảm nghiêm trọng và có nguy cơ bị mất đi. Chủ động cung cấp lợn giống thuần chủng phục vụ công tác phát triển chăn nuôi lợn bản địa trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu về thực phẩm cho người tiêu dùng,

d) *Tuyển chọn, nuôi lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà H're Quảng Ngãi:*

- Tổng kinh phí: 559 triệu đồng.
- Thời gian thực hiện: 2015-2017.
- Kết quả thực hiện: Dự án đã thực hiện nuôi lưu giữ, bảo tồn ổn định đàn gà H're thuần chủng với quy mô 130 con gà mái và 20 con gà trống; cung cấp gà H're có chất lượng phục vụ phát triển chăn nuôi, cung cấp sản phẩm

thịt cho thị trường.

Ngoài ra, tỉnh Quảng Ngãi đang đề xuất dự án cây Ươi (Công văn số 6126/UBND-KGVX ngày 28/10/2016 đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thực hiện năm 2017), Ươi (*Scaphium macropodum*) là cây gỗ đa tác dụng, ưa sáng, sinh trưởng khá nhanh, thường tái sinh xuất hiện như cây tiên phong trên các khoảng trống trong các rừng tự nhiên ở khu phân bố. Đây là loài có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam, nhiều năm trở lại đây do tự khai thác quá bằng chặt phá quá mức đã dẫn đến tình trạng các quần thể Ươi tự nhiên bị suy thoái nghiêm trọng cả về số lượng diện tích và chất lượng rừng; điều này làm cho loài cây Ươi đang đứng trước nguy cơ bị đe dọa và đã được ghi tên trong Sách đỏ (Redbook 2007).

6. Sử dụng bền vững và thực hiện cơ chế chia sẻ hợp lý lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học

Cơ chế chia sẻ hợp lý lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh chưa được triển khai cụ thể. Hiện nay, việc hưởng lợi từ các dịch vụ môi trường rừng chưa được khai thác một cách triệt để, chỉ áp dụng cho những khu rừng thuộc lưu vực cung ứng dịch vụ của các công trình thủy điện, nên mức hỗ trợ thấp; đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng được hưởng lợi từ rừng như khai thác, tận thu lâm sản nhưng thực tế cơ chế hưởng lợi kinh tế từ rừng rất khó thực hiện, do diện tích rừng tự nhiên giao cho hộ gia đình, cá nhân chủ yếu là rừng nghèo kiệt, rừng phục hồi sau nương rẫy chưa có trữ lượng.

7. Kiểm soát các hoạt động gây tác động xấu đến đa dạng sinh học

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị chức năng tăng cường các giải pháp bảo vệ rừng, phòng chống chặt phá rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả các loại hình tội phạm, hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hành vi vi phạm về săn, bắt, mua bán, vận chuyển, quảng cáo, sử dụng trái phép động vật hoang dã; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phương thức canh tác, khai thác kém bền vững và các hoạt động gây ô nhiễm môi trường; ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại,...

Từ khi Luật ĐDSH có hiệu lực thi hành, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành kiểm tra các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học theo các nguồn tin báo, cơ quan chức năng chuyển sang, giai đoạn 2010-2017 phát hiện 12 vụ việc liên quan, cụ thể:

- Năm 2010: 04 vụ (02 vụ cá nhân tự giao nộp 02 cá thể Voọc Chà vá chân xám; 01 vụ vắng chủ 5 cá thể Nhím; 01 vụ vận chuyển 13 cá thể Nhím từ Quy Nhơn).

- Năm 2011: 01 vụ vắng chủ (01 cá thể Mèo rừng).

- Năm 2013: 01 vụ mua bán động vật hoang dã (36 kg cá thể Mang).
- Năm 2014: 02 vụ (01 vụ cá nhân tự giao nộp 01 cá thể Rùa hộp trán vàng Trung bộ; 01 vụ mua bán động vật hoang dã do cơ quan Cảnh sát Môi trường tỉnh chuyên giao gồm 16 cá thể: 03 rắn Hồ mang chúa; 03 cá thể Rắn Hồ trâu; 01 Rắn Hồ mang; 5 Rùa Pulkin, 2 Rùa núi vàng, 02 Rùa đất lớn).
- Năm 2016: 01 vụ cá nhân tự giao nộp 01 cá thể Voọc Chà vá chân xám.
- Năm 2017, các lực lượng chức năng phối hợp phát hiện 03 vụ vi phạm: Công an tỉnh phát hiện 01 đối tượng lưu giữ 34 vỏ Sò Tượng, đã tiến hành tịch thu và chuyển giao cho Bảo tàng tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi; Bộ đội biên phòng phối hợp với lực lượng Kiểm ngư phát hiện 02 vụ mua bán, vận chuyển 10 cá thể rùa biển, 20 con trai tượng khổng lồ, đã tịch thu và thả về môi trường tự nhiên và 01 vụ vận động ngư dân thả 03 cá thể rùa biển về môi trường tự nhiên.

8. Bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Xác định nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng là giải pháp đặc biệt quan trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, trong những năm qua, về cơ bản diện tích rừng trên địa bàn tỉnh đã được bảo vệ, giữ vững, tuy có xảy ra phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp nhưng quy mô nhỏ lẻ, đã được kiểm soát, ngăn chặn kịp thời; tỷ lệ che phủ rừng của toàn tỉnh luôn được giữ vững qua các năm, năm 2017 đạt 50,36%, tiếp tục duy trì phát triển đến năm 2020 đạt 52% đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh góp phần bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường, phòng tránh tác động xấu của biến đổi khí hậu.

Luôn chú trọng phát triển rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên và các khu vực rừng phòng hộ xung yếu, sẵn sàng tiếp nhận và triển khai các chương trình dự án có nguồn tài trợ quốc tế cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, Thực tế, trên địa bàn tỉnh đã triển khai một số mô hình khoanh nuôi, trồng bổ sung trong rừng tự nhiên có sự tham gia quản lý của cộng đồng 4.641,65 ha (dự án Kfw6 do chính phủ CHLB Đức tài trợ thông qua ngân hàng tái thiết Đức), trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ trên đất cát, ven biển.

III. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên

- Thành lập khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tư diện tích 17.990 ha, khu bảo tồn loài - sinh cảnh Cà Đam, huyện Trà Bồng diện tích 2.332 ha,
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bảo vệ toàn vẹn hệ sinh thái rừng tự nhiên; thực hiện các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái phép nhằm bảo vệ rừng tự nhiên, rừng phòng hộ xung yếu;
- Tiếp tục triển khai các dự án khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng bổ sung

rừng tự nhiên các loài cây bản địa, loài nguy cấp, quý, hiếm, theo kế hoạch đạt khoảng 70ha/năm.

- Điều tra, đánh giá và lập bản đồ phân vùng sinh thái, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm.

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả các hoạt động tại Khu bảo tồn Biển Lý Sơn.

2. Bảo tồn các loài hoang dã và các giống vật nuôi, cây trồng nguy cấp, quý, hiếm

- Tăng cường các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ các loài hoang dã bị đe dọa, đặc biệt loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ:

- Điều tra, cập nhật Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện các chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, đặc biệt ưu tiên đối với các loài linh trưởng tại khu vực huyện Ba Tơ;

- Tiếp tục thực hiện Chương trình bảo tồn, lưu giữ nguồn gen động, thực vật, bảo tồn tại chỗ và chuyển chỗ các giống cây trồng bản địa, loài quý, hiếm.

3. Sử dụng bền vững và thực hiện cơ chế chia sẻ hợp lý lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học

- Triển khai thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật;

- Nhân rộng mô hình quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng và thực hiện cơ chế chia sẻ hài hòa lợi ích giữa các bên có liên quan.

4. Kiểm soát các hoạt động gây tác động xấu đến đa dạng sinh học

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, không chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên nhằm hạn chế tối thiểu các tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

- Vận động, tuyên truyền rộng rãi về việc không tiêu thụ, sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã, thúc đẩy sự tham gia rộng rãi của cộng đồng và các phương tiện thông tin đại chúng trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp liên ngành giữa các lực lượng cảnh sát môi trường, quản lý thị trường, hải quan, kiểm lâm, kiểm ngư trong việc phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi khai thác, buôn bán, tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã.

- Tăng cường trao đổi và học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực kỹ thuật, chuyên môn của các cơ quan, đơn vị các cấp về quản lý an toàn sinh

học đối với sinh vật biến đổi gen.

5. Bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh biến đổi khí hậu

- Xây dựng mô hình quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng cho nhóm hộ và các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập 04 hành lang đa dạng sinh học kết nối các hệ sinh thái rừng và khu vực trọng yếu nhằm bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu: hành lang ĐDSH Sơn Tây - Tây Trà 3.494,62 ha; hành lang ĐDSH Tư Nghĩa - Sơn Hà - Minh Long 1.779,77 ha; hành lang ĐDSH Ba Tơ - Sơn Hà 3.494,31 ha, hành lang ĐDSH Minh Long - Ba Tơ 1.738,8 ha.

- Xây dựng vườn sưu tập thực vật rừng, trung tâm bảo tồn các loài linh trưởng trong khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ.

- Triển khai các chương trình phục hồi rừng có sử dụng các phương pháp và cách tiếp cận phù hợp với bảo tồn đa dạng sinh học, dự trữ các bon, thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

- Lòng ghép các chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học trong việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng” giai đoạn 2011 - 2020 (Chương trình REDD+) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-TT ngày 27/6/2012,

- Ban quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn tiếp tục phối hợp với Ban Chỉ đạo bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các tổ tuần tra, kiểm soát bảo vệ nguồn lợi thủy sản huyện Lý Sơn tổ chức tuần tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kịp thời nhắc nhở ngư dân địa phương và ngư dân từ địa phương khác, người tham quan du lịch và các công ty hoạt động du lịch về bảo vệ các loài hải sản quý hiếm, san hô, thảm cỏ biển... Tiến hành lập biên bản hoặc xử phạt hành chính nếu tái phạm trong việc khai thác thủy sản vùng nghiêm ngặt hoặc có hoạt động vi phạm quy chế quản lý Khu bảo tồn.

- Chỉ đạo UBND huyện Lý Sơn xây dựng kế hoạch thường xuyên kiểm tra, xử lý những trường hợp sử dụng mìn, súng điện để đánh bắt, khai thác hải sản; ngăn chặn, xử lý các trường hợp khai thác san hô, đá vôi để vận chuyển vào đất liền tiêu thụ; thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường, không đổ rác thải ra biển gây tình trạng ô nhiễm môi trường ven bờ biển quanh đảo.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Luật ĐDSH có hiệu lực từ ngày 01/7/2009 nhưng đến ngày 14/11/2013, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 179/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó có các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo tồn ĐDSH. Tuy nhiên, vì được ban hành chung trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường nên một số trường hợp việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ĐDSH xuất hiện nhiều bất cập và khó khăn. Chính vì vậy, các hành vi vi

phạm liên quan đến bảo tồn ĐDSH trong các lĩnh vực cụ thể hiện nay đều vẫn xử lý theo các luật và văn bản chuyên ngành.

- Nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn còn thiếu hụt, phân tán, chưa được đào tạo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ bảo tồn ĐDSH.

- Việc thực thi pháp luật về ĐDSH còn gặp khó khăn do có nhiều văn bản cũng quy định về một vấn đề trong quản lý bảo tồn ĐDSH, cụ thể như với loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật ĐDSH thì việc cấp phép khai thác do Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhưng cũng với loài này mà đồng thời thuộc Danh mục của Nghị định 32/2006/NĐ-CP thì thẩm quyền cấp phép thuộc về Chi cục Kiểm lâm.

- Công tác quản lý, bảo tồn, điều tra đa dạng sinh học còn chông chéo, chưa có cơ quan chuyên môn đầu mối quản lý thống nhất. Các chủ trương, chính sách được ban hành nhưng thiếu công tác kiểm tra của các cấp quản lý nên hiệu quả chưa cao.

- Quy định pháp luật hiện hành về cơ chế chia sẻ hợp lý lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học chưa cụ thể.

- Một số chủ trương, chính sách hiện hành chưa được hướng dẫn triển khai cụ thể, thiếu nhân lực, kinh phí thực hiện như Chương trình hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng cacbon rừng giai đoạn 2011-2020; Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Nhận thức về công tác bảo tồn đa dạng sinh học trong cộng đồng dân cư và toàn xã hội nhìn chung còn thấp. Chất lượng đời sống của nhân dân sống trong vùng đệm của các khu bảo tồn còn thấp dẫn đến tình trạng khai thác trái phép các loại động, thực vật tại các khu bảo tồn vẫn còn diễn ra.

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có các đơn vị có khả năng tiếp nhận, duy trì lưu giữ và bảo tồn các mẫu tiêu bản, ngân hàng gen phục vụ nghiên cứu khoa học do chưa sẵn sàng về thiết bị, nhân lực và kinh phí.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Hoàn thiện hành lang pháp lý cho bảo tồn ĐDSH: Đây là việc làm ưu tiên hàng đầu xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện Luật ĐDSH, ưu tiên hàng đầu xây dựng các văn bản hướng dẫn các nội dung về quy hoạch, quản lý hệ thống khu bảo tồn, bảo tồn các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo tồn tài nguyên di truyền, quản lý sinh vật biến đổi gen, cơ chế tài chính cho bảo tồn ĐDSH, quan trắc ĐDSH.

- Xây dựng, đào tạo lực lượng cán bộ nòng cốt cho công tác ĐDSH từ trung ương đến địa phương; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, giữa trung ương và địa phương trong quản lý ĐDSH.

- Huy động các nguồn tài trợ quốc tế, vốn ODA và các nguồn thu khác; ưu tiên nghiên cứu, áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ ĐDSH.

- Áp dụng khoa học công nghệ trong việc sản xuất cây giống, con giống phục vụ nhu cầu trồng rừng, nhân giống động vật hoang dã; nghiên cứu áp dụng kỹ thuật cải tạo rừng nghèo, trồng rừng bằng các loài cây bản địa.

- Cần tăng cường đầu tư cho các trang trại thực hiện nhiệm vụ để bảo tồn nguồn gen động, thực vật bản địa, đặc hữu.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp với các đơn vị được đầu tư trang thiết bị phù hợp, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công tác bảo tồn các nguồn gen động thực vật quý hiếm của tỉnh để duy trì việc lưu giữ và phục vụ nghiên cứu khoa học.

- Có chính sách huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách trong đầu tư, bảo tồn và khai thác bền vững các hệ sinh thái đặc thù của tỉnh vừa kết hợp bảo tồn đa dạng sinh học và tạo sinh kế cho người dân vùng đệm.

Kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường,
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh760).



Phạm Trường Thọ



Phụ lục:

Thu thập thông tin cho các Bộ, ngành và địa phương

văn số 5882/UBND-NNTN ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ thị/thông số	Số liệu	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
Chỉ thị/thông số hiện trạng					
1.	<i>Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên</i> - Diện tích rừng đặc dụng - Diện tích khu bảo tồn nước nội địa	Chưa có			
	- Diện tích khu bảo tồn biển	7.925 ha	Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập khu bảo tồn biển Lý Sơn	Khu bảo tồn loài sinh cảnh cấp tỉnh	
2.	Số lượng và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên được thành lập mới trong kỳ báo cáo	1 khu; 7.925 ha			
3.	<i>Diện tích rừng:</i>				
	- Tổng diện tích và tỷ lệ che phủ rừng	333.604,81 50,36%	Diện tích rừng và độ che phủ rừng không tính cây trồng phân tán		
	- Diện tích rừng nguyên sinh	0			
	- Diện tích rừng trồng mới tập trung	142.869,33 (số liệu 2017)	- 300 ha Khoanh nuôi có trồng bổ sung - 2,685 ha khoanh nuôi không trồng bổ sung		
	- Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh	2.985 ha (Lũy kế đến tháng 8/2018)			
- Tổng diện tích rừng ngập mặn	2,78 (số liệu 2017)				
4.	<i>Diện tích rạn san hô:</i> - Tổng diện tích rạn san hô và độ phủ - Diện tích rạn san hô và độ phủ của khu bảo tồn biển Lý Sơn	634 ha; Độ phủ cấp 1 (0-10%): 193 ha Độ phủ cấp 2 (11-33%): 206 ha Độ phủ cấp 3 (31-50%): 116 ha	Báo cáo tổng thể Dự án Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Lý Sơn - Quảng Ngãi, trang 75	Cấp bộ	
5.	<i>Diện tích thảm cỏ biển:</i> - Tổng diện tích thảm cỏ biển				

TT	Chỉ thị/thông số	Số liệu	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
	- Diện tích thảm cỏ biển và độ phủ của khu bảo tồn biển Lý Sơn	100 ha; Độ phủ cao dao động từ 60-80%	Nguyễn Hào Quang và cộng sự (năm 2011) Báo cáo tổng thể Dự án Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Lý Sơn-Quảng Ngãi, trang 75, 69,	Cấp bộ	
6.	<i>Số lượng khu bảo tồn có tầm quan trọng quốc tế:</i> - Số lượng các khu Ramsar - Số lượng khu dự trữ sinh quyển				
7.	Tình trạng loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP (số cá thể, tần suất bắt gặp/xuất hiện)		Chưa thống kê		
8.	Số lượng nguồn gen được kiểm kê, lưu giữ và bảo tồn		Chưa thống kê		
9.	Số lượng giống cây trồng, vật nuôi được bảo tồn trong trang trại		Chưa thống kê Các trang trại trên địa bàn tỉnh trồng, nuôi vì mục đích thương mại, chưa có mô hình bảo tồn		
Chỉ thị/thông số áp lực					
10.	Chất lượng môi trường nước tại khu bảo tồn Biển Lý Sơn	- Một số thông số nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 10:2008/BTNMT: + Độ pH: 7,65-8,43 + Oxy hòa tan: 5,97 mg/l + Hàm lượng chất rắn lơ lửng: 4,27mg/l - Hàm lượng hợp chất chứa N trung bình 0,007 mg/l trong đó, nồng độ N-NH ₄ ⁺ vượt giới hạn cho phép của QCVN	Báo cáo tổng thể Dự án Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Lý Sơn-Quảng Ngãi, trang 75, trang 51-57	Cấp bộ	

TT	Chi thị/thông số	Số liệu	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
		10:2008/BTNMT từ 1,5-6; nồng độ N-NO ₂ ⁻ và N-NO ₃ ⁻ thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 10:2008/BTNMT			
11.	Diện tích đất/mặt nước của mỗi khu bảo tồn thiên nhiên (rừng đặc dụng, biển, vùng nước nội địa) bị chuyển đổi mục đích sử dụng	812 ha/7.113 ha			
12.	Diện tích rừng bị cháy	2,06 ha	Cháy rừng trồng		2017
13.	Số lượng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn theo Thông tư số 27/2013/TTLT-BTNMT-BNN				
	Số lượng các loài sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trên địa bàn theo Thông tư số 27/2013/TTLT-BTN&MT-BNN&PTNT				
14.	Số vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Luật Đa dạng sinh học	372			2017
	Lâm sản bị tịch thu (gỗ, động vật rừng hoang dã)	173,38 m ³ gỗ tròn 251,504 m ³ gỗ xẻ			2017
	Diện tích rừng bị phá (loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)	26,85 ha	Phòng hộ, sản xuất		2017
15.	Số vụ khai thác thủy sản trái phép	5			2017
16.	- Tổng diện tích rạn san hô của cả tỉnh mới bị chết/phá - Diện tích rạn san hô của mỗi khu KTB mới bị chết/phá		Chưa quan trắc, đánh giá lại HST rạn san hô		
17.	- Tổng diện tích thảm cỏ biển của cả tỉnh bị chết/phá - Diện tích thảm cỏ biển của mỗi khu BTB mới bị chết/phá		Chưa quan trắc, đánh giá lại HST cỏ biển		
Chi thị/thông số đáp ứng					
18.	Số lượng và Danh mục văn bản đã được ban hành và mới ban hành trong kỳ báo cáo				

TT	Chỉ thị/thông số	Số liệu	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
19.	Số lượng khu bảo tồn thiên nhiên có Ban quản lý	1			
20.	Số Khu bảo tồn đã thực hiện quan trắc đa dạng sinh học				
21.	Số lượng khu bảo tồn thiên nhiên có kế hoạch hoạt động hàng năm và 5 năm (Nghị định 117/2010/NĐ-CP)	1	Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2022	Cấp tỉnh	
22.	Số lượng các khu bảo tồn thiên nhiên đã đánh giá dịch vụ hệ sinh thái - Các loại dịch vụ hệ sinh thái - Giá trị cụ thể của từng loại dịch vụ		Chưa có		
23.	Số lượng và diện tích các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (vườn động vật, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ quốc gia)		Chưa có		
24.	Số cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận sản xuất bền vững (chứng chỉ rừng, chứng nhận khai thác thủy sản hợp pháp, vietgap...)	01 Công ty được cấp chứng chỉ rừng bền vững 3.000 ha)			
25.	Số lượng nguồn gen được thu thập tư liệu hoá và lập chỉ dẫn địa lý				
26.	Số lượng các chương trình, các đợt tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đa dạng sinh học	30			
27.	Số lượng, diện tích hành lang đa dạng sinh học được thiết lập		Chưa thiết lập		
28.	Ngân sách hàng năm chi cho Chương trình phòng chống cháy rừng	5.607 triệu	TW 5 tỷ tỉnh 607 triệu		2017
Chỉ thị/thông số lợi ích					
29.	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	863.835 m ³	Kế hoạch năm 2018 là 950.000 m ³		Lũy kế từ đầu

TT	Chỉ thị/thông số	Số liệu	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
					năm 2018 đến nay
30.	Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	184.456 tấn 6.940 tấn	- Khai thác - Nuôi trồng		2017
31.	Loại hình và số tiền thu được tương ứng từ mỗi loại hình chi trả dịch vụ môi trường rừng	6.395 triệu	Loại hình: thu từ dịch vụ thủy điện, nước sạch		2017

./.